UBND HUYỆN GIA LÂM

**TRƯỜNG THCS YÊN VIÊN**

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ**

**HỌC KÌ I - MÔN KHTN**

**KHỐI 6**

**I. Nội dung kiến thức**

**-** Các lĩnh vực của KHTN, phân biệt vật sống và vật không sống

- Ứng dụng của kính hiển vi và kính lúp

- Dụng cụ, cách đo, ĐCNN và GHĐ, đơn vị đo khi đo nhiệt độ, thời gian

- Sự đa dạng của chất

- Oxygen. Không khí: Tính chất vật lý và tầm quan trọng của oxygen, thành phần, vai trò và biện pháp bảo vệ không khí tránh ô nhiễm.

- Một số loại vật liệu, nhiên liệu

- Hỗn hợp các chất và tách chất ra khỏi hỗn hợp

- Tế bào: Định nghĩa, cấu tạo, chức năng, sự lớn lên và sinh sản

- Cơ thể sinh vật: Cơ thể đơn vào và cơ thể đa bào, tổ chức cơ thể đa bào

**II. Bài tập**

**CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU VỀ KHTN**

**Câu 1:** Sự khác nhau cơ bản giữa các ngành khoa học Vật lí, Hóa học và Sinh học là:

1. Phương pháp nghiên cứu.
2. Đối tượng nghiên cứu.
3. Hình thức nghiên cứu.
4. Quá trình nghiên cứu.

**Câu 2:** Để phân biệt vật sống với vật không sống cần những đặc điểm nào sau đây?
I. Khả năng chuyển động.
II. Cần chất dinh dưỡng.
III. Khả năng lớn lên.
IV. Khả năng sinh sản.

1. II, III, IV. B. I, II, IV.

C. .I, II, III. D. I, III, IV.

**Câu 3:** Hành động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.

B. Làm theo các thí nghiệm xem trên internet.

C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất.

D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

**Câu 4 : Kính lúp cầm tay có tác dụng khi quan sát các vật nhỏ :**

A. Nhìn vật xa hơn C. Phóng to ảnh của một vật

B. Làm ảnh của vật nhỏ hơn D. Không thay đổi kích thước của ảnh

**Câu 5. Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi:**

A. Tế bào biểu bì vảy hành           C. Con ong

B. Con kiến D. Tép bưởi

**Câu 6:** Những thao tác nào cần thực hiện khi dùng nhiệt kế thủy ngân để đo nhiệt độ cơ thể?

A. Vẩy mạnh nhiệt kế để thủy ngân tụt xuống mức 350C.

B. Đặt bầu nhiệt kế vào nách và chờ khoảng 2 – 3 phút rồi lấy ra.

C. Sau khi lấy nhiệt kế ra khỏi môi trường cần đọc kết quả đo luôn.

D. Cả 3 thao tác trên đều cần thực hiện.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây không đúng :

A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi

B. Độ giãn nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là giống nhau

C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích của chất lỏng thay đổi

D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên

**Câu 8:** Dùng dụng cụ nào để đo khối lượng?

A. Thước.          B. Đồng hồ.        C. Cân.        D. lực kế.

**Câu 9.** Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng trong cuộc sống hằng ngày ở Việt Nam là :

A. Độ Celsius B. Độ Fahrenheit C. Độ Delisle D. Độ Kelvin

**Câu 10:** Mùa đông trời bắt đầu trở lạnh, theo bản tin dự báo thời tiết nhiệt độ của Hà Nội từ 16 °C đến 22 °C. Nhiệt độ trên tương ứng với nhiệt độ nào trong nhiệt giai Fa-ren-hai (°F)

A.Từ 60,8 °F đến 71,6 °F B. Từ 51,2 °F đến 82,6 °F

C. Từ 65,4 °F đến 78,8 °F D. Từ 62,8 °F đến 74,6 °F

**Câu 11 : Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?**

A. Đồng hồ đeo tay C. Đồng hồ điện tử

 B. Đồng hồ quả lắc. D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 12: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là**

 A. tuần.                  B. ngày.                 C. giây.                   D. giờ.

**Câu 13: Trong thang nhiệt độ Xen-xi-ớt, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là:**

 A. 1000C. B. 00C. C. 500C. D. 780C.

**Câu 14.** Để phân biệt tính chất hóa học của một chất ta thường dựa vào dấu hiệu nào sau đây?

A. Không có sự tạo thành chất. B. Có chất khí tạo ra.

C. Có chất rắn tạo ra. D. Có sự tạo thành chất mới.

**Câu 15.** Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

(1) Đặt mắt nhìn đúng cách

(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp

(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách

(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định

(5) Thực hiện phép đo thời gian

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

A. (1), (2), (3), (4), (5) B. (3), (2), (5), (4), (1)

C. (2), (3), (1), (5), (4) D. (2), (1), (3), (5), (4)

**CHƯƠNG II. CHẤT QUANH TA**

**Câu 16.** Trường hợp nào sau đây đều là chất?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đường mía, muối ăn, con dao | B. Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm |
| C. Nhôm, muối ăn, đường mía | D. Con dao, đôi đũa, muối ăn |

**Câu 17.** Sự chuyển thể nào sau đây xảy ra tại nhiệt độ xác định?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ngưng tụ. | B. Hoá hơi. | C. Sôi. | D. Bay hơi. |

**Câu 18.** Tính chất nào sau đây là tính chất hóa học của khí carbon dioxide?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chất khí, không màu | B. Không mùi, không vị |
| C. Tan rất ít trong nước | D. Làm đục dung dịch nước vôi trong |

**Câu 19:** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

A. Hòa tan muối vào nước

B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách

C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng

D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

**Câu 20:** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lí ?

A. Cô cạn nước đường thành đường

B. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

C. Để lâu ngoài không khí, lớp ngoài của đinh sắt biến thành gỉ sắt màu nâu, giòn và xốp.

D. Hơi nến cháy trong không khí chứa oxygen tạo thành carbon dioxide và hơi nước.

**Câu 21.** Khi nào thì môi trường không khí được xem là bị ô nhiễm?

A. Khi xuất hiện thêm chất mới vào thành phẩn không khí.

B. Khi thay đổi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí.

C. Khi thay đổi thành phẩn, tỉ lệ các chất trong môi trường không khí và gâỵ ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và các sinh vật khác.

D. Khi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí biến động nhỏ quanh tỉ lệ chuẩn.

**Câu 22.** Chọn phát biểu ***sai***:

A. Oxygen cần thiết cho sự quang hợp của cây xanh.

B. Oxygen oxi hóa được hết các kim loại

C. Oxygen cần thiết cho quá trình hô hấp của động vật.

D. Oxygen là một chất hoạt động hóa học rất mạnh, nhất là ở nhiệt độ cao.

**Câu 23.** Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

A. Oxỵgen. . B. Hydrogen. C. Nitrogen. D. Carbon dioxide.

**Câu 24.** Trong quá trình quang hợp cây xanh đã thải ra khí gì:

A. Khí N2. B. Khí O2. C. Khí CO2. D. Khí H2.

**Câu 25.** Quá trình nào sau đây cần oxygen?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hô hấp. | B. Quang hợp. | C. Hoà tan. | D. Nóng chảy. |

**Câu 26.** Chọn phát biểu ***đúng:***

A. Oxygen là chất khí, tan ít trong nước và nặng hơn không khí.

B. Oxygen là chất khí, tan vô hạn trong nước và nặng hơn không khí.

C. Oxygen là chất khí, tan ít trong nước và nhẹ hơn không khí.

D. Oxygen là chất khí, tan vô hạn trong nước và nhẹ hơn không khí.

**Câu 27.** Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây là không đúng?

A. Khai thác tiết kiệm vì nguồn quặng có hạn.

B. Tránh làm ô nhiễm môi trường.

C. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.

D. Chế biến quảng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 28:** Khi đốt cháy 1 lít xăng, cần 1950 lít oxygen.Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 7 lít xăng. Coi oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí. Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là:

A. 13650 lít

B. 54600 lít

C. 68250 lít

D. 9750 lít

**CHƯƠNG III. MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM THÔNG DỤNG**

**Câu 29.** Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là

A. vật liệu. B. nhiên liệu.

C. nguyên liệu. D. vật liệu hoặc nguyên liệu

**Câu 30:**Thế nào là vật liệu?

A. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn vào nhau.

B. Vật liệu là một số chất được sử dụng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng, …

C. Vật liệu là một chất hoặc một hỗn hợp một số chất được con người được sử dụng như là nguyên liệu đầu vào trong một quá trình sản xuất để tạo ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống.

D. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.

**Câu 31:**Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh          B. Kim loại           C. Cao su             D. Gốm

**Câu 32:**Vật liệu nào sau đây **không**thể tái chế?

A. Thép xây dựng.                             B. Thủy tinh.

C. Nhựa composite.                            D. Xi măng.

**Câu 33:**Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta **không**dùng biện pháp nào sau đây?

A. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.

B. Chẻ nhỏ củi.

C. Xếp củi chồng lên nhau, càng sít càng tốt.

D. Phơi củi cho thật khô.

**Câu 34:**Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hóa thạch?

A. Khí tự nhiên.                                          B. Dầu mỏ.

C. Than đá.                                                 D. Ethanol.

**CHƯƠNG IV. HỖN HỢP CÁC CHẤT. TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP**

**Câu 35:** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

A. nước biển B. nước cất

C. nước khoáng D. gỗ

**Câu 36:**Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên**sử dụng phương pháp nào dưới đây?

A. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đểu.                 B. Nghiền nhỏ muối ăn.

C. Đun nóng nước .                                                           D. Bỏ thêm đá lạnh vào

**Câu 37:** Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào:

A. tính chất của chất. B. thể của chất.

C. mùi vị của chất. D. số chất tạo nên.

**Câu 38:**Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

A. Hỗn hợp nước muối.                               B. Hỗn hợp nước đường.

C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều.        C. Hỗn hợp nước và rượu.

**Câu 39:**Ở nông thôn, để tách thóc lép ra khỏi thóc, người dân thường đổ thóc rơi trước một cái quạt gió. Những hạt thóc lép sẽ bị gió thổi bay ra, đó là do thóc lép có

A. Kích thước hạt nhỏ hơn.                                   B. Tốc độ rơi nhỏ hơn.

B. Khối lượng nhẹ hơn.                                          D. Lớp vỏ trấu dễ tróc hơn.

**Câu 40:**Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

A. Dùng máy li tâm.                                                       B. Cô cạn.

C. Chiết.                                                                         D. Lọc.

**Câu 41:**Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

A. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.

B. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào.

C. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.

D. Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào.

**Câu 42:** Nước giếng khoan thường lẫn nhiều tạp chất. Để tách bỏ tạp chất, người dân cho vào nước giếng khoan vào bể lọc, đáy bể lót các lớp cát mịn, sỏi và than củi. Nước chảy qua các lớp này sẽ trong hơn. Nhận định nào sau đây là **không**đúng?

A. Lớp than củi có tác dụng hút các chất hữu cơ, vi khuẩn.

B. Lớp cát mịn có tác dụng giữ các hạt đất, cát ở lại.

C. Sau một thời gian sử dụng, ta phải thay rửa các lớp đáy bể lọc.

D. Lớp sỏi làm cho nước có vị ngọt.

**Câu 43:**Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì được gọi là

A. Chất tinh khiết.                                        B. Dung dịch.

C. Nhũ tương.                                              D. Huyền phù.

**Câu 44:** Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là:

A. Lọc

B. Chưng cất

C. Bay hơi

D. Để yên cho muối lắng xuống rồi gạn nước

**CHƯƠNG V. TẾ BÀO**

**Câu 45:** Cho các nhận định sau:

(1) Các loại tế bào đều có hình đa giác

(2) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào

(3) Hầu hết các tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường

(4) Lớp biểu bì vảy hành được cấu tạo từ tế bào còn lá hành thì không

Nhận định nào về tế bào là đúng?

A. (3)                    B. (1)                    C. (2)                    D. (4)

**Câu 46:** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

A. Mô                   B. Tế bào              C. Biểu bì                       D. Bào quan

**Câu 47:** Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

A. Nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản

B. Nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết

C. Nó có nhiều hình dạng khác nhau để thích nghi với các chức năng khác nhau

D. Nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau

**Câu 48.** Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào:



A. Màng tế bào.  B. Chất tế bào. C.Nhân tế bào. D Vùng nhân.

**Câu 49:** Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.



A. Màng tế bào.               B. Chất tế bào.

C. Nhân tế bào.               D. Vùng nhân.

**Câu 50:** Thành phần nào dưới đây không thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

A. Màng tế bào               B. Tế bào chất

C. Thành tế bào              D. Nhân/vùng nhân

**Câu 51.** Cấu trúc nào sau đây thuộc loại tế bào nhân sơ?

A. Virut B. Tế bào thực vật

C. Tế bào động vật D. Vi khuẩn

**Câu 52:** Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực?

A. Màng nhân                  B. Vùng nhân

C. Chất tế bào                 D. Hệ thống nội màng

**Câu 53:** Tế bào động vật không có bào quan nào dưới đây?

A. Ti thể               B. Không bào                 C. Ribosome                  D. Lục lạp

**Câu 54:**

1. Thành phần nào giúp lục lạp có khả năng quang hợp?

A. Carotenoid                 B. Xanthopyll

C. Phycobilin                  D. Diệp lục

2. Thành phần nào của tế bào giúp thực vật cứng cáp mặc dù không có khung xương

A. Màng tế bào               B. Tế bào chất

C. Thành tế bào              D. Nhân

**Câu 55:** Những nhóm sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp?

A. Trùng biến hình B. Vi khuẩn lam C. Nấm D. Trùng giày

**Câu 56:** Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

A. 4                      B. 8                      C. 12                    D. 16

**Câu 57.** Cho các diễn biến sau :

1. Hình thành vách ngăn giữa các tế bào con

2. Phân chia chất tế bào

3. Phân chia nhân

Sự phân chia tế bào thực vật diễn ra theo trình tự như thế nào ?

A. 3 - 1 – 2 B. 2 - 3 - 1

C. 1 - 2 – 3 D. 3 - 2 – 1

**Câu 58.** Trong các loại tế bào dưới đây, tế bào nào có kích thước lớn nhất ?

A. Tế bào vi khuẩn B. Tế bào trứng ếch

C. Tế bào thịt quả cà chua D. Tế bào vảy hành

**Câu 59:** Quá trình nào sau đây xảy ra nhờ sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào?

A. Quả bóng to lên khi được bơm hơi

B. Quả táo trên cây to lên sau nhiều ngày đậu quả

C. Áo phao phồng lên sau khi lấy ra khỏi túi hút chân không

D. Gấu bông phồng lên sau khi được nhồi thêm bông

**Câu 60.** Đặc điểm có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật

A. Trong tế bào có nhiều loại bào quan

B. Có thành tế bào bằng chất xenlulose

C. Nhân có màng bao bọc

D. Chất tế bào là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào

**Câu 61:** Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?

A. Tăng kích thước của cơ thể sinh vật

B. Khiến cho sinh vật già đi

C. Tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương

D. Ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể

**CHƯƠNG VI. TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ**

**Câu 62:** Sinh vật không có cấu tạo đơn bào là :

A.Trùng Giày B.Trùng roi.

C.Cá chép D.Trùng biến hình

**Câu 63:** Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời câu hỏi sau.



Thành phần cấu trúc **x** (có màu xanh) trong hình bên là gì?

A. Lục lạp.                     B. Nhân tế bào.

C. Không bào.                D. Thức ăn.

**Câu 64:** Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?

A. Màu sắc                                        B. Kích thước

C. Số lượng tế bào tạo thành              D. Hình dạng

**Câu 65:** Hoạt động nào dưới đây là hoạt động của vật sống?

A. Quá trình chuyển năng lượng mặt trời thành năng lượng điện ở pin mặt trời

B. Quá trình đốt cháy carbonhydrate để tạo năng lượng ở người

C. Quá trình thu nhỏ kích thước của hòn đá cuội bên dòng suối

D. Quá trình mài sắt thành kim

**Câu 66:** Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là

A. Hệ cơ quan                B. Cơ quan

C. Mô                              D. Tế bào

**Câu 67:** Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Tất cả các sinh vật đều là cơ thể đa bào

B. Mô là cấp độ nhỏ hơn để xây dựng lên cấp độ lớn hơn là hệ cơ quan

C. Cơ thể người chỉ có một hệ cơ quan duy nhất suy trì toàn bộ hoạt động sống của cơ thể.

D. Thực vật có hai hệ cơ quan là hệ chồi và hệ rễ

**Câu 68:** Cơ quan (1) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?



A. Hệ tuần hoàn B. Hệ thần kinh C. Hệ hô hấp D. Hệ tiêu ho

**Câu 69:** Hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?



A. (2), (3) B. (3), (4)

C. (3), (5) D. (3), (6)

**Câu 70.** Quan sát cấu tạo tế bào thực vật trong hình bên và trả lời các câu hỏi sau:



Thành phần nào là màng tế bào?

A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người ra đề cương****Hoàng Thuý Linh** | **TTCM/NTCM duyệt****Phạm Thị Quỳnh Hoa** | **BGH duyệt đề****Nguyễn Thị Hồng Hạnh** |